

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia, thực hiện, quản lý Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản đồ công nghệ* là bộ tài liệu mô tả, phân tích hiện trạng và khả năng sử dụng công nghệ tại một thời điểm xác định; mối tương quan giữa các loại công nghệ với yêu cầu phát triển công nghệ phù hợp với mục đích sử dụng; xác định các xu hướng phát triển công nghệ, những công nghệ ưu tiên, dự báo nhu cầu công nghệ.

2. *Lộ trình đổi mới công nghệ* là quá trình xác định mục tiêu, nội dung đổi mới công nghệ; trình tự, phương án sử dụng nguồn lực để thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ trong một khoảng thời gian xác định.

3. *Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm* là sản phẩm được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương.

4. *Mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững ứng dụng công nghệ tiên tiến* là mô hình sản xuất tạo ra được các sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng, tinh cạnh tranh cao, phù hợp với từng vùng sinh thái; góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

5. *Ban Chủ nhiệm Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia* (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình) là tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia, gồm các đề tài, dự án, đề án:

a) Xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và lộ trình đổi mới công nghệ đối với các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia;

b) Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp;

c) Tổ chức đào tạo và hỗ trợ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho doanh nghiệp, cho các cơ sở có chức năng đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và đội ngũ kỹ thuật viên trong doanh nghiệp;

d) Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ và thúc đẩy hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường, gồm các đề tài, dự án:

a) Thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm;

b) Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

c) Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ;

d) Triển khai ứng dụng các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

3. Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, gồm các dự án:

a) Tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước;

b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số, khai thác dữ liệu công nghệ và chuyên gia công nghệ.

4. Nhiệm vụ đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, gồm các dự án:

a) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn;

b) Đổi mới công nghệ trong phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ gồm:

a) Điều tra, đánh giá, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực; xây dựng, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, nhu cầu công nghệ, chuyên gia công nghệ; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá thực hiện đổi mới công nghệ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (bổ sung các hệ thống thống kê, chỉ tiêu đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp); điều tra, khảo sát các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, địa bàn để xây dựng quy hoạch và hình thành mạng lưới mô hình đổi mới công nghệ đối với từng địa bàn cụ thể;

b) Hỗ trợ xây dựng mạng lưới tư vấn kết nối tự động; hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, phục vụ đổi mới công nghệ; xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ;

c) Xác định các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, địa bàn để làm cơ sở lựa chọn thực hiện việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nhân rộng điển hình;

d) Hỗ trợ các trung tâm thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các điểm kết nối cung cầu công nghệ trong các hoạt động như chuyển giao công nghệ, kết nối dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật trong triển khai ứng dụng công nghệ, kết nối với thị trường và quảng bá sản phẩm tạo thành từ ứng dụng công nghệ, tìm kiếm, kết nối với các đối tác trong và ngoài nước, nâng cao năng lực phổ biến và nhân rộng mô hình ứng dụng thành công;

đ) Tổ chức hoạt động truyền thông về ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động sáng tạo, đổi mới công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

e) Hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế trong ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ.

Nhiệm vụ tại Khoản này được xác định, tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

6. Hoạt động quản lý Chương trình gồm:

- a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- b) Tổ chức tọa đàm, hội thảo về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Tổng hợp, đánh giá kết quả hằng năm báo cáo lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và Thủ tướng Chính phủ;
- d) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc chung lựa chọn nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ đáp ứng quy định tương ứng tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 của Thông tư này.
2. Mục tiêu của nhiệm vụ phải rõ ràng và được định lượng, có tác động tích cực tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực, ngành, lĩnh vực.
3. Ưu tiên nhiệm vụ của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước; nhiệm vụ được thực hiện tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; nhiệm vụ chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại Điều 9 Luật Chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ được các Bộ, ngành và địa phương quan tâm cùng hỗ trợ về tài chính hoặc cam kết địa chỉ áp dụng.
4. Nhiệm vụ có tính khả thi, trong đó tổ chức chủ trì có năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính hoặc chứng minh được khả năng huy động nguồn lực từ bên ngoài để thực hiện được nhiệm vụ.

Điều 5. Mã số, nhiệm vụ thuộc Chương trình

Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình được ghi như sau: ĐM.DA.XX/YY hoặc ĐM.ĐT.XX/YY hoặc ĐM.ĐA.XX/YY hoặc ĐM.ĐK.XX/YY.

Trong đó:

- ĐM là ký hiệu chữ viết tắt của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.
- DA là ký hiệu chữ viết tắt của dự án; ĐT là ký hiệu chữ viết tắt của đề tài; ĐA là ký hiệu chữ viết tắt của đề án; ĐK là ký hiệu chữ viết tắt của nhiệm vụ triển khai định kỳ.
- XX là gồm 2 chữ số ghi số thứ tự nhiệm vụ của Chương trình theo từng DA, ĐT, ĐA, ĐK.
- YY là số biểu thị năm (hai chữ số cuối cùng) bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Nhiệm vụ xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia

Phục vụ công tác quản lý, hoạch định chiến lược phát triển công nghệ của Chính phủ, Bộ, ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp, trong đó, nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ, nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cần đáp ứng các tiêu chí được nêu trong mẫu phiếu đề

xuất A1.2-PĐX-BĐCN-LTCN, nhóm nhiệm vụ đào tạo cần đáp ứng các tiêu chí được nêu trong mẫu phiếu đề xuất A1.3-PĐX-NVĐT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường

1. Thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Sản phẩm tạo ra có tính năng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

b) Việc nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất góp phần tăng ít nhất 5% giá trị của sản phẩm, năng suất lao động cao hơn so với trước khi thực hiện dự án;

c) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm phải cam kết ứng dụng công nghệ được nghiên cứu, làm chủ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án và hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp (trong trường hợp chưa có) sau khi kết thúc dự án.

2. Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có phối hợp thực hiện giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ trong, ngoài nước (có thể là tổ chức khoa học và công nghệ thuộc công ty, tập đoàn) hoặc thông qua tổ chức khoa học và công nghệ có hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài;

b) Xác định được công nghệ cần tìm kiếm: sự cần thiết, tính cấp thiết, phù hợp của công nghệ, công nghệ rõ ràng, đánh giá vai trò và tác động đối với doanh nghiệp;

c) Đề xuất được phương án tìm kiếm, phát hiện công nghệ, giải mã theo yêu cầu hoặc theo đặt hàng của tổ chức, doanh nghiệp; xác định điều kiện để chuyển giao công nghệ;

d) Chứng minh được khả năng ứng dụng, làm chủ, chuyển giao khai thác hiệu quả công nghệ được tìm kiếm;

đ) Công nghệ cần chuyển giao, ứng dụng, làm chủ và giải mã là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng, địa phương.

3. Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có phối hợp giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Có báo cáo khả thi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ;

c) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ phải cam kết hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án.

4. Triển khai ứng dụng các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Mô hình quản trị, sản xuất thông minh tập trung vào các ngành ưu tiên, mũi nhọn và ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao;

b) Thực hiện mô hình phải góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tăng giá trị sản phẩm;

c) Dự kiến được quy mô ứng dụng, mở rộng thị trường của mô hình.

Điều 8. Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ

1. Tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Tổ chức có đủ năng lực thực hiện, riêng các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm, tổ chức chủ trì phải đảm bảo ít nhất 30% nhân lực của dự án có trình độ đại học;

b) Sản phẩm tạo ra có khả năng cạnh tranh cao, có tiềm năng về lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, giúp doanh nghiệp phát triển nhanh về chất lượng và quy mô;

c) Chứng minh được hiệu quả của dự án:

- Đối với dự án tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, kết quả, sản phẩm dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng hoặc chuyển giao;

- Đối với dự án ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phải tạo ra được sản phẩm, dịch vụ được triển khai tối thiểu ở quy mô tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Đối với dự án sản xuất sản phẩm mới phải tạo ra sản phẩm có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

- Việc thay đổi quy trình công nghệ góp phần tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động.

2. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số, khai thác dữ liệu công nghệ và chuyên gia công nghệ cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có kế hoạch hoạt động, khai thác dữ liệu, kinh doanh rõ ràng, đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện và duy trì dự án;

b) Xác định được nhu cầu cụ thể và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của việc ứng dụng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm;

c) Tổ chức chủ trì phải chứng minh được khả năng huy động đủ nguồn tài chính ngoài ngân sách và sử dụng kết quả của dự án; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.

Điều 9. Nhiệm vụ đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

1. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Xác định được thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của nơi thực hiện dự án và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái;

b) Mô hình phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương và mục tiêu của Chương trình;

c) Tổ chức chủ trì phải chứng minh được khả năng huy động đủ nguồn vốn đối ứng và sử dụng, nhân rộng mô hình dự án; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.

2. Đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Mục tiêu, nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế địa phương;

b) Xác định được tiềm năng, thế mạnh sản phẩm của các vùng miền, các làng nghề và làng nghề truyền thống;

c) Có khả năng phối hợp với các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư để xây dựng các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng công nghệ theo thế mạnh, đặc trưng của các vùng, miền;

d) Ưu tiên các dự án góp phần hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững ứng dụng công nghệ tiên tiến tại mỗi vùng sinh thái.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với công nghệ được chuyển giao;

b) Có hợp đồng nguyên tắc hoặc tài liệu chứng minh hoạt động chuyển giao công nghệ; có cam kết địa chỉ áp dụng hoạt động triển khai, ứng dụng công nghệ nhận chuyển giao tại địa phương;

c) Mục tiêu, nội dung chuyển giao công nghệ thuộc ngành, lĩnh vực ưu đãi đầu tư, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế tại địa bàn được ưu đãi đầu tư;

d) Xác định được công nghệ chuyển giao phù hợp với địa bàn; công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm so với công nghệ cũ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Đề xuất, xác định nhiệm vụ

a) Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình và tiêu chí nhiệm vụ quy định tại Chương II của Thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Chủ nhiệm Chương trình, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Phiếu đề xuất các nhiệm vụ áp dụng biểu A1.1-PĐX (phiếu đề xuất đề tài, dự án), A1.2-PĐX-BĐCN-LTCN (phiếu đề xuất cho nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ, nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ), A1.3-PĐX-NVĐT (phiếu đề xuất cho nhóm nhiệm vụ đào tạo) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Phiếu đề xuất đề án áp dụng biểu A1-ĐXNV tại Phụ lục Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN.

b) Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN.

Phiếu ý kiến nhận xét, đánh giá nhiệm vụ áp dụng theo biểu A2.1-PĐG (ý kiến nhận xét và đánh giá đề tài, dự án), A2.2-PĐG-BĐCN-LTCN (ý kiến nhận xét và đánh giá cho nhóm nhiệm vụ xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ, nhóm nhiệm vụ xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ), A2.3-PĐG-NVĐT (ý kiến nhận xét và đánh giá cho nhóm nhiệm vụ đào tạo) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Phiếu nhận xét và đánh giá đề án áp dụng theo mẫu B2-TVHD tại Phụ lục Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN.

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ

Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Thuyết minh đề tài, dự án áp dụng theo biểu B1.1-TMĐT (thuyết minh đề tài),

B1.2-TMDA (thuyết minh dự án), B1.3-TMNVĐT (thuyết minh đề tài, dự án cho nhóm nhiệm vụ đào tạo) và phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ áp dụng theo biểu B2.1-PĐG-TMĐT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài), B2.2-PĐG-TMDA (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án), B2.3-PĐG-TMNVĐT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án cho nhóm nhiệm vụ đào tạo) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Thuyết minh đề án và phiếu đánh giá đề án áp dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng là lãnh đạo Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ; Tổ phó là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính; 01 thành viên là đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình; 01 thành viên là đại diện Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn.

Trường hợp đặc biệt Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên của Tổ thẩm định kinh phí khác với quy định này.

Nguyên tắc, trình tự, biểu mẫu, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (theo mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. Kiểm tra, đánh giá định kỳ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Báo cáo tổng hợp kết quả của nhiệm vụ theo biểu B3-BCTH (báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Đăng ký, lưu giữ, xử lý tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả thực

hiện nhiệm vụ

a) Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Việc xử lý tài sản, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành có liên quan.

Điều 11. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ

1. Hằng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ gửi phiếu thuyết minh nhiệm vụ triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ theo biểu C1-TMĐK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ để phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính rà soát, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và tổ chức thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

3. Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần Hội đồng thẩm định gồm 05 thành viên trong đó: Chủ tịch là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình; Phó Chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực đổi mới công nghệ; 01 thành viên là đại diện Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ; 01 thành viên là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính; 01 thành viên là đại diện Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Thư ký hành chính của Hội đồng thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định:

- Hội đồng họp khi có mặt ít nhất 4/5 số thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền.

- Biên bản thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo biểu C2-BBTĐDK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ chủ trì, phối hợp với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo biểu C3-HĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo biểu C4-BCKQ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

7. Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

a) Thành phần Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ gồm 05 thành viên trong đó: Chủ tịch là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình; Phó Chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực đổi mới công nghệ; 01 thành viên là đại diện Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ; 01 thành viên là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính; 01 thành viên là đại diện Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Thư ký hành chính của Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

- Hội đồng họp khi có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền.

- Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo biểu C5-BBNTĐK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo biểu C6-TLHD quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước chi kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động quản lý Chương trình nêu tại Điều 3 của Thông tư này.

3. Việc quản lý tài chính thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành về tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia và các văn bản khác có liên quan đối với việc quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, doanh nghiệp được triển khai các nội dung thuộc kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án.

Chương IV

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

2. Hướng dẫn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí nhiệm

vụ; phê duyệt Danh mục nhiệm vụ; phê duyệt nội dung, kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Tổng hợp quyết toán kinh phí hàng năm của các nhiệm vụ thuộc Chương trình gửi Bộ Tài chính.

4. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động chung của Chương trình; tổng hợp và cân đối tổng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của Chương trình.

5. Đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động Chương trình; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo uỷ quyền của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Điều 14. Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình

Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình là Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

1. Chủ trì thực hiện kêu gọi, tiếp nhận, tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổ chức xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; xác nhận khối lượng công việc; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Trình Lãnh đạo Bộ kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ.

3. Chủ trì xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách, tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

4. Phối hợp với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình.

5. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động sáng tạo, đổi mới công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

6. Thực hiện quản lý nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ đổi mới công nghệ; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực; về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, chuyên gia công nghệ và mạng lưới tư vấn kết nối tự động để khai thác các cơ sở dữ liệu này phục vụ đổi mới công nghệ.

7. Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; vận hành các

tiện ích công nghệ, phần mềm quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình online/offline.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 15. Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình là Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tài chính, quản lý kinh phí, cấp kinh phí, xác nhận kinh phí, thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện Chương trình theo các quy định quản lý tài chính của Chương trình và các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Phối hợp với Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ thực hiện xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách thực hiện Chương trình; tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ của Chương trình; trình Lãnh đạo Bộ kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ.

3. Phối hợp với đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình theo chức năng được phân công.

Điều 16. Ban Chủ nhiệm Chương trình

1. Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Ban Chủ nhiệm Chương trình gồm 09 đến 11 thành viên, trong đó có Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thư ký và các ủy viên khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình.

2. Đề xuất nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thẩm quyền quản lý, thuộc nội dung của Chương trình.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xác định nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng.

4. Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ tuyển chọn, thẩm định nhiệm vụ theo quy định;

b) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Bộ Khoa học và Công nghệ: chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ, tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của nhiệm vụ và quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (6 tháng, hàng năm); nêu các vấn đề phát sinh, đề xuất phương án giải quyết và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định; tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hàng năm và tổng quyết toán khi kết thúc nhiệm vụ;

đ) Chủ trì việc tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ nhiệm có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của nhiệm vụ; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định;

c) Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì nhiệm vụ về những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

d) Phối hợp với tổ chức chủ trì thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và thay thế Thông tư 09/2013/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học

và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lưu: VT, UDCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Cường